

Bản án số: 121/2025/HS-ST
Ngày 08-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như .

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Lâm.

Ông Đàm Văn Sự.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thanh Bình, Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Ông Linh Đức Hợp, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 130/2025/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 639/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Văn T**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 17/02/1988; tại xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xã T, tỉnh Cao Bằng); Nơi thường trú: xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm Đ, xã T, tỉnh Cao Bằng); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Là Đảng viên Đ2, Bí thư Chi bộ xóm Đ, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng (đã bị Ủy ban K1 sinh hoạt cấp ủy theo Quyết định số 91-QĐ/UBKTHU ngày 20/11/2024); Con ông Hoàng Văn L (sinh năm 1954); và con bà Chu Thị X (sinh năm 1963); Vợ: Nông Thị N (sinh năm 1990); Có 03 con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2021); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/11/2024 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. (Có mặt)

2. Họ và tên: **Hoàng Văn C**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 10/6/2000; tại xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xã T, tỉnh Cao Bằng); Nơi thường trú: xóm Đ, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm Đ, xã T, tỉnh Cao Bằng); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Hoàng Văn H (sinh năm 1974); Con bà Đặng Thị Đ (sinh năm 1976); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/12/2024 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. (Có mặt)

3. Họ và tên: **Hoàng Văn T1**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 02/6/1994; tại xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xã T, tỉnh Cao Bằng); Nơi cư trú: xóm Đ, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm Đ, xã T, tỉnh Cao Bằng); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 06/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Hoàng Văn L (sinh năm 1954); Con bà Chu Thị X (sinh năm 1963); Vợ: Sầm Thị Đ1 (sinh năm 1991); Có 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2013); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/12/2024 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. (Có mặt)

4. Họ và tên: **Đồng Ngọc Q**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 30/12/2002; tại xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã B, tỉnh Thái Nguyên); Nơi thường trú: Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là Khu C, xã B, tỉnh Thái Nguyên); Nơi tạm trú và nơi ở hiện tại: Tổ F, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (nay là Tổ dân phố F, phường T, tỉnh Cao Bằng); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Đồng Phúc L1 (sinh năm 1967); Con bà Hứa Thị T2 (sinh năm 1966); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/02/2025 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. (Có mặt)

5. Họ và tên: **Lưu Duy M**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 16/3/1992; tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã Q, tỉnh Thái Nguyên); Nơi thường trú: xóm Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là xóm Đ, xã Q, tỉnh Thái Nguyên); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Lưu Văn D (đã chết); Con bà Hoàng Thị K (sinh năm 1969); Vợ: Mông Thị D1 (sinh năm 1995); Có 02 con (con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2018); Tiền án: 01 tiền án, bị xử phạt 36 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án số 30/2025/HS-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; Tiền sự: Không.

Bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam V1, Bộ C2, theo bản án số 30/2025/HS-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

6. Họ và tên: **Lương Văn T3**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 06/10/1993; tại xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là nay là xã T, tỉnh Cao Bằng); Nơi thường trú: xóm N, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm N, xã T, tỉnh Cao Bằng); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 06/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Lương Văn S (đã chết); Con bà Lục Thị P (sinh năm

1965); Vợ: Hoàng Thị N1 (sinh năm 1994); Có 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/12/2024 đến ngày 06/5/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. (Có mặt)

7. Họ và tên: **Hoàng Thị N1**; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 05/9/1994; tại huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nơi thường trú: xóm N, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm N, xã T, tỉnh Cao Bằng); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 06/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Hoàng Văn S1 (sinh năm 1947); Con bà Hoàng Thị H1 (sinh năm 1951); Chồng: Lương Văn T3 (sinh năm 1993); Có 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/12/2024 đến nay. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 00 phút ngày 10/7/2024, tại khu vực cách cột Mốc 708 biên giới Việt Nam – Trung Quốc khoảng 600 mét, thuộc xóm Đ, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng, tổ công tác Đồn Biên phòng L2, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh C phối hợp với Công an huyện H, Kiểm lâm huyện H, tỉnh Cao Bằng tuần tra, kiểm soát phát hiện Hoàng Văn T (sinh năm 1988, trú tại xóm Đ, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng) và Hoàng Thị N1 (sinh năm 1994, trú tại xóm N, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng) đang vận chuyển 02 lồng gỗ, bên trong chứa các cá thể Vẹt. T và N1 khai nhận: Hai người vận chuyển thuê số Vẹt trên sang Trung Quốc để lấy tiền công, số Vẹt trên không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ. Tổ công tác đã lập biên bản vụ việc, đưa người, vật chứng về Đồn Biên phòng L2 để tiếp tục làm rõ, đồng thời cử lực lượng ở lại hiện trường tìm kiếm, phát hiện thêm 03 lồng có đặc điểm như 02 lồng gỗ trước, bên trong đều chứa các cá thể Vẹt, một số con đã chết, số còn lại trong tình trạng yếu; T khai nhận 03 lồng Vẹt mà lực lượng chức năng phát hiện sau đó là được Hoàng Văn C (sinh năm 2000), Hoàng Văn T1 (sinh năm 1994) cùng trú tại xóm Đ, xã C, huyện H và Lương Văn T3 (sinh năm 1993) trú tại xóm N, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng vận chuyển sang Trung Quốc cùng T và N1. Tiến hành kiểm đếm xác định: Lồng do T vận chuyển có 31 cá thể Vẹt; lồng do Nhãn vận chuyển có 30 cá thể Vẹt, lồng do C vận chuyển có 31 cá thể Vẹt, lồng do T1 vận chuyển có 16 cá thể Vẹt, lồng do T3 vận chuyển có 41 cá thể Vẹt. Tổng cộng 05 lồng có 149 cá thể Vẹt. Sau đó, tất cả cá thể Vẹt đều đã chết do thời tiết nắng nóng và bị nhốt lâu ngày.

Ngày 17/7/2024, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh C phối Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng và người liên quan tiến hành mở niêm phong vật chứng, trích mẫu gửi giám định. Tại Kết luận phân tích mẫu ADN ngày 04/9/2024 của V2, Đại học V2 kết luận: 01 cá thể chim là loài Vẹt má xanh có tên trong phụ lục

II (CITES); 04 cá thể chim là loài Vẹt có tên khoa học là *P1 rupicola*, có tên trong phụ lục II (CITES); 01 cá thể chim là loài Vẹt Senegal có tên trong phụ lục II (CITES). Như vậy 149 cá thể Vẹt các đối tượng vận chuyển đều có tên trong Phụ lục II của Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES).

Tại Kết luận định giá số 3591/KL-HĐDGTS ngày 29/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Cao Bằng kết luận: 31 cá thể Vẹt má xanh có giá 45.322.000 đồng; 88 cá thể Vẹt có tên khoa học là *P1 rupicola* có giá 1.272.304.000 đồng; 30 cá thể Vẹt Senegal có giá 179.490.000 đồng. Tổng cộng giá trị của 149 cá thể Vẹt: 1.497.116.000 đồng. Như vậy 31 cá thể Vẹt do Hoàng Văn T vận chuyển là loài Vẹt má xanh, có tổng trị giá: 45.322.000 đồng; 16 cá thể Vẹt do Hoàng Văn T1 vận chuyển là loài Vẹt *Pyrrhura rupicola*, có tổng trị giá: 231.328.000 đồng; 31 cá thể Vẹt do Hoàng Văn C vận chuyển là loài Vẹt *Pyrrhura rupicola*, có tổng trị giá: 448.198.000 đồng; 41 cá thể Vẹt do Lương Văn T3 trực tiếp vận chuyển là loài Vẹt *Pyrrhura rupicola*, có tổng trị giá: 592.778.000 đồng; 30 cá thể Vẹt do Hoàng thị N1 trực tiếp vận chuyển là loài Vẹt Senegal, có tổng trị giá: 179.490.000 đồng. Ngày 05/11/2024 Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh C đã bàn giao hồ sơ cùng vật chứng là 149 cá thể Vẹt, tình trạng đã chết đến Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh C để điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra vụ án đã xác định được như sau:

Hoàng Văn T được một người bạn ở Trung Quốc tên “Tỳ” giới thiệu kết bạn với một người đàn ông Trung Quốc tên “Ô”. Sáng ngày 08/7/2024, “Ô” liên lạc với T qua ứng dụng Wechat nói cần vận chuyển 01 lô hàng (chim) từ chỗ của T sang Trung Quốc, tiền công là 600 CNY (nhân dân tệ), T đồng ý và cung cấp số điện thoại 0375.471.661 của mình cho “Ô” để tiện liên lạc. Một lúc sau, T được số điện thoại 0965.221.159 gọi đến thông báo lô hàng (chim) đã đến Hà Nội, khi nào vận chuyển đến xã C, huyện H thì sẽ gọi T ra nhận hàng. Sau đó T gọi điện cho Hoàng Văn C và Hoàng Văn T1 để rủ cùng nhau vận chuyển và chia tiền công, C và T1 đồng ý. Đến chiều tối ngày 09/7/2024, có 02 số điện thoại 0355.259.369 và 0359.452.162 gọi cho T thông báo hàng đang trên đường đến xã C, huyện H và cung cấp cho T số biển kiểm soát của xe ô tô chở hàng. T gọi điện cho C bảo C đến nhà T và đưa cho C số biển kiểm soát của xe ô tô chở hàng rồi gọi thêm T1 nói: C và T1 mỗi người đi 01 xe máy để nhận hàng, C và T1 đi đến khu vực xóm C, xã N, H nhận hàng, sau đó C đi ra ngã ba đường có biển báo rẽ vào xã C đợi thì gặp xe ô tô biển kiểm soát 11A-104.12 đi đến, người lái xe hỏi C “đến đón hàng à, xe hàng ở đằng sau” rồi người này đỗ xe gần đó, khoảng 05 phút sau, xe ô tô biển kiểm soát 11A-119.87 đi đến, C dẫn xe ô tô biển kiểm soát 11A-119.87 đi đến chỗ T1 đang đợi rồi C và T1 nhận với người lái xe tổng cộng 05 lồng gỗ bên trong có các cá thể Vẹt. Sau khi giao hàng xong xe ô tô quay đầu đi đâu không rõ, C và T1 chờ 05 lồng gỗ về được khoảng 01km thì dừng lại do cồng kèn, vận chuyển khó, C gọi điện cho T báo có nhiều chim đã chết, T nói cho chim ra bao tải và gọi điện cho người giao hàng đến nhận lại chim rồi T gọi điện cho Lương Văn T3 ra đề giúp C và T1, sau đó T3 cầm tu vít ra thì thấy C và

T1 đang tháo lồng để cho chim vào bao tải dứa, T3 giúp cầm bao để C và T1 lấy chim từ lồng cho vào 03 bao tải (Lúc này T3 chỉ ra giúp, không biết chim là của ai, mang đi đâu, làm gì), còn T ở nhà liên lạc với "Ô" nói là đã nhận được hàng và thỏa thuận tiền công vận chuyển là 600 CNY, địa điểm nhận hàng tại mốc 708 biên giới Việt Nam - Trung Quốc, sau khi nhận hàng sẽ trả tiền công. Khi cho chim vào bao tải xong thì T đến, T phân công mang 03 bao tải về nhà T, T3 và C, các lồng gỗ thì để lại trên đồi. Sáng ngày 10/7/2024, T gọi cho C và T1 đi lấy lồng gỗ mang về nhà T3 rồi cùng nhau cho hết số vẹt vào lại lồng gỗ để vận chuyển sang Trung Quốc. Tại nhà của T3, T, T1 và C bàn bạc thống nhất gọi T3 và vợ của T3 là Hoàng Thị N1 cùng đi vận chuyển 05 lồng Vẹt, mỗi người vận chuyển 01 lồng và chia đều số tiền công, lúc đó N1 đang ở nhà và đồng ý tham gia. Sau đó, T đi trước chuyển 01 lồng, N1 đi ngay sau T, T dặn C và T1 là khi nào T3 về nói với T3 việc vận chuyển chim sang Trung Quốc, rồi 03 người chuyển nốt 03 lồng vẹt còn lại lên mốc 708, T đi trước đến khu vực cách Mốc 708 khoảng 600 mét thì dừng đợi để cùng nhau đi, tại đây N1 cũng vác 01 lồng đến, còn C, T1, T3 đi sau. Sau đó, T và N1 nhìn thấy lực lượng Biên phòng đang đi làm nhiệm vụ, nên đã đặt lồng gỗ xuống để quay lại thì bị lực lượng Biên phòng phát hiện và lập biên bản vụ việc, lúc này C, T1 và T3 đi sau biết là đã bị lực lượng chức năng phát hiện nên bỏ lại lồng chim rồi chạy về nhà.

Mở rộng điều tra vụ án xác định:

Lưu Duy M (sinh năm 1992, trú tại xóm Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) là người sử dụng số điện thoại 0965.221.159, vận chuyển 149 cá thể Vẹt trên từ Hà Nội đến Bắc Kạn rồi giao cho Đồng Ngọc Q sử dụng số điện thoại 0359.471.162 và ô tô biển kiểm soát 11A-119.87 để Q vận chuyển số Vẹt trên giao cho T, C và T1, cụ thể như sau: Sáng ngày 08/7/2024, có một người đàn ông không quen biết gọi điện cho M nói có mấy lồng chim cần chở đến tỉnh Cao Bằng, lúc nào hàng đến Hà Nội thì xuống đón với tiền công là 3.500.000 đồng, M đồng ý. Sau đó, người này gửi cho M số điện thoại của người nhận hàng tại Cao Bằng. Sáng ngày 09/7/2024, M điều khiển xe ô tô bán tải nhãn hiệu Chevrolet Colorado màu trắng, biển kiểm soát 20C-279.49 đi đến điểm đón hàng tại khu vực gần cầu T, thành phố Hà Nội. Khi đến nơi thì có 01 xe ô tô tải nhỏ đến, người lái xe ô tô tải giao cho M 05 lồng chim bằng gỗ bên trong chứa nhiều con chim Vẹt (màu xanh, xám, vàng, còn sống) không có giấy tờ liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ và số tiền 3.500.000 đồng, nhưng M bảo phải thêm tiền, nên người đó đưa thêm 500.000 đồng và nói cứ chở lên Cao Bằng sẽ có người liên lạc để nhận hàng. Nhận hàng xong, M điều khiển xe ô tô chở 05 lồng chim đi theo Quốc lộ C khi đi qua địa phận tỉnh Bắc Kạn, do có việc đột suất nên M gọi điện thoại cho 01 lái xe taxi ở Cao Bằng (không biết tên, tuổi, địa chỉ) để người đó chở 05 lồng chim từ tỉnh Bắc Kạn đến cho người nhận tại tỉnh Cao Bằng. Đối với Đồng Ngọc Q, vào chiều ngày 09/7/2024, Q đang ở nhà trọ ở phường T, thành phố C thì có người lạ gọi điện thoại thuê Q chở 05 lồng chim đến xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng, tiền công là 1.500.000 đồng. Q đồng ý rồi người này gửi cho Q số điện thoại của người giao hàng. Sau đó Q gọi điện cho người giao hàng là Lưu Duy M và hẹn giao nhận hàng tại xóm P, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Tại đây Q nhận

với Lưu Duy M 05 lồng chim cho lên xe ô tô BKS 11A-119.87 của Q và nhận số tiền 1.500.000 đồng, M cho Q số điện thoại của T để nhận hàng, Q chở 05 lồng chim đến gần thành phố C thì gọi cho Nông Văn B, sinh năm 1998, trú tại xóm C, Nguyễn H2, H, Cao Bằng để B dẫn đường đến xã C. Biểu đi xe ô tô BKS 11A-104.12 đi trước để dẫn đường cho Q, khi đến xã C thì B quay về, còn Q gặp và giao 05 lồng chim cho C và T1.

Đối với số vật chứng là 149 cá thể Vẹt, tình trạng đã chết, được bảo quản đông lạnh, ngày 21/02/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C ra Quyết định xử lý vật chứng, ngày 19/3/2025 đã tiêu hủy toàn bộ số vật chứng trên.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo T, C, T1, Q, M, T3 và N1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự, về tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã”.

Tại bản Cáo trạng số: 46/CT-VKSCB-P1 ngày 25/06/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Hoàng Văn T, Hoàng Văn C, Hoàng Văn T1, Đồng Ngọc Q, Lưu Duy M về tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 234 Bộ luật Hình sự; truy tố Lương Văn T3 về tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã” quy định tại điểm e, g khoản 2 Điều 234 Bộ luật Hình sự; truy tố Hoàng Thị N1 về tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 234 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo là đúng với hành vi đã thực hiện.

Kết thúc phân xét hỏi tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn C, Hoàng Văn T1, Đồng Ngọc Q, Lưu Duy M về tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 234 Bộ luật Hình sự; truy tố Lương Văn T3 về tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã” quy định tại điểm e, g khoản 2 Điều 234 Bộ luật Hình sự; truy tố Hoàng Thị N1 về tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 234 Bộ luật Hình sự. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn C, Hoàng Văn T1, Đồng Ngọc Q, Lưu Duy M, Lương Văn T3, Hoàng Thị N1 phạm tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã”.

Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 234; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T** từ 8 đến 9 năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 234; Điều 38, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều

51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Văn C** từ 7 đến 8 năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 234; Điều 38, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T1** từ 7 đến 8 năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 234; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đồng Ngọc Q** từ 7 đến 8 năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 234; Điều 38, Điều 56, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lưu Duy M** từ 8 đến 9 năm tù. Tổng hợp với Bản án số 30/2025/HS-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã xử phạt bị cáo 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng điểm e, g khoản 2 Điều 234; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lương Văn T3** từ 4 đến 5 năm tù.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 234; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Thị N1** 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Xử tịch thu hóa giá lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại của bị cáo Hoàng Văn T và 01 điện thoại của bị cáo Hoàng Văn C.

- Tịch thu tiêu hủy 05 lồng gỗ, được chia thành các ngăn, có lưới kim loại bọc bên ngoài. Do không còn giá trị sử dụng.

*Truy thu đối với bị cáo Lưu Duy M số tiền 2.500.000đ; truy thu đối với bị cáo Đồng Ngọc Q số tiền 1.500.000đ do các bị cáo phạm tội mà có để sung công quỹ nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo Đồng Ngọc Q, Lưu Duy M phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn C, Hoàng Văn T1, Lương Văn T3, Hoàng Thị N1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy

định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với Biên bản vụ việc ngày 10/7/2025 tại Đoàn Biên phòng L2; Biên bản kiểm đếm số lượng, cân xác định khối lượng, đo kích thước cá thể động vật, lập bản ảnh và niêm phong; Kết luận phân tích ADN mẫu động vật ngày 04/9/2024 của Viện Tài nguyên và môi trường - Đại học Quốc gia V2; Kết luận định giá tài sản số 3591/KL-HĐĐGTS ngày 29/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND tỉnh C; Bản tự khai, Biên bản hỏi cung của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận:

Sáng ngày 08/7/2024, Hoàng Văn T được một người đàn ông Trung Quốc tên “Ô” thuê vận chuyển 05 lồng gỗ bên trong có 149 cá thể Vẹt từ xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng để mang sang Trung Quốc, qua mốc 708 biên giới Việt Nam - Trung Quốc, tiền công là 600 CNY, T rủ Hoàng Văn C và Hoàng Văn T1 cùng thực hiện. Tối ngày 09/7/2024 C và T1 nhận 05 lồng chim với Đồng Ngọc Q, đến sáng ngày 10/7/2024, T, C, T1 rủ Hoàng Thị N1 và Lương Văn T3 cùng vận chuyển mỗi người 07 lồng Vẹt sang Trung Quốc và sẽ chia đều số tiền công. Khi T và N1 mỗi người đang vận chuyển 01 lồng vẹt thì bị lực lượng chức năng phát hiện, ngăn chặn. Tại kết luận phân tích mẫu ADN và Kết luận định giá tài sản xác định 149 cá thể Vẹt có tên trong Phụ lục II CITES, tổng giá trị 1.497.116.000 đồng.

Đối với Lưu Duy M, được một người không quen biết thuê vận chuyển 149 cá thể Vẹt trên từ Hà Nội đến tỉnh Cao Bằng, tiền công là 4.000.000 đồng. Nhưng M chỉ vận chuyển đến Bắc Kạn rồi giao cho Đồng Ngọc Q để Q vận chuyển số vẹt trên từ Bắc Kạn đến xã C, H, Cao Bằng để giao cho T, C và T1. Q đã nhận tiền công với M số tiền 1.500.000 đồng.

Do đó Hoàng Văn T, Hoàng Văn C, Hoàng Văn T1, Đồng Ngọc Q và Lưu Duy M phải chịu trách nhiệm về hành vi vận chuyển 149 cá thể Vẹt có tên trong Phụ lục II CITES trị giá 1.497.116.000 đồng. Còn Lương Văn T3 chịu trách nhiệm về hành vi vận chuyển 41 cá thể Vẹt trị giá: 592.778.000 đồng; Hoàng thị N1 chịu trách nhiệm về hành vi vận chuyển 30 cá thể Vẹt trị giá: 179.490.000 đồng.

Các bị cáo đã có hành vi vận chuyển trái phép động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật. Hành vi nêu trên của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Vi phạm quy định về bảo vệ động vật*

hoang dã”. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò đồng phạm của các bị cáo:

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo Hoàng Văn T là người đứng ra liên hệ với chủ hàng người Trung Quốc nhận vận chuyển các cá thể động vật hoang dã, thoả thuận về cách thức giao hàng và tiền công vận chuyển, sau đó bị cáo T rủ C, T1, T3, N1 cùng vận chuyển và chia tiền công. Quá trình bàn bạc thống nhất vận chuyển trái phép 149 cá thể Vẹt chỉ có bị cáo T, C, T1. Còn bị cáo T3 và N1 được T gọi đi vận chuyển thuê vì thiếu người nên bị cáo T3 và N1 phải tự chịu trách nhiệm về số lượng cá thể mà các bị cáo đã trực tiếp vận chuyển. Đối với bị cáo Q và M là người vận chuyển các cá thể động vật hoang dã từ Hà Nội lên Cao Bằng giao cho T. Do vậy, bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao nhất, tiếp đó là các bị cáo Hoàng Văn C, Hoàng Văn T1, Đồng Ngọc Q, Lưu Duy M, Lương Văn T3, Hoàng Thị N1 là đồng phạm cùng thực hiện hành vi phạm tội với T.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn C, Hoàng Văn T1, Đồng Ngọc Q và Lưu Duy M là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo Lương Văn T3 và Hoàng Thị N1 là nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về bảo vệ động vật hoang dã, xâm phạm nghiêm trọng đến bảo vệ cân bằng môi trường sinh thái, đa dạng sinh học của các loài động vật hoang dã, quý hiếm, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi vận chuyển động vật hoang dã là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích cá nhân các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với các bị cáo cũng như phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

Do đó, HĐXX sẽ xem xét cụ thể hành vi các bị cáo đã thực hiện để áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân:

Các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn C, Hoàng Văn T1, Đồng Ngọc Q, Lương Văn T3, Hoàng Thị N1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Lưu Duy M có nhân thân xấu, có 01 tiền án: Ngày 31/3/2025 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án số 30/2025/HS-ST.

- Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo Lưu Duy M có 01 tiền án: Ngày 31/3/2025 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép

chất ma túy” tại Bản án số 30/2025/HS-ST. Tuy nhiên, hành vi phạm tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã” của bị cáo xảy ra trước khi thực hiện hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên không coi là tình tiết tăng nặng “tái phạm”.

Các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn C, Hoàng Văn T1, Đồng Ngọc Q, Lưu Duy M, Lương Văn T3, Hoàng Thị N1 không có tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn C, Hoàng Văn T1, Lương Văn T3, Hoàng Thị N1 là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo Lương Văn T3 và Hoàng Thị N1 là hộ nghèo; bị cáo T3 có ông nội là Lương Văn P2 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước Hạng nhì; bị cáo N1 có bố đẻ là Hoàng Văn S2 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước Hạng nhì; bị cáo Đồng Ngọc Q có ông nội là Đồng Phúc T4 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước Hạng nhì, Huân chương chiến sỹ vẻ vang Hạng nhì, Huân chương chiến sỹ vẻ vang Hạng ba nên Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính:

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội; vai trò, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong bối cảnh các vụ án liên quan đến vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã đang được quan tâm và thực trạng hoạt động vi phạm pháp luật về động vật hoang dã diễn ra trên địa bàn tỉnh ngày càng có xu hướng phức tạp, đe dọa nghiêm trọng đến các quần thể động vật hoang dã cần được bảo vệ. Do đó cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn C, Hoàng Văn T1, Đồng Ngọc Q, Lương Văn T3 mới đủ sức răn đe, phòng ngừa tội phạm về động vật hoang dã. Đối với bị cáo Hoàng Thị N1, có chồng là bị cáo Lương Văn T3 bị xét xử trong cùng vụ án, hơn nữa chồng của bị cáo N1 đã phải chịu mức án nghiêm khắc là cách ly ra khỏi xã hội để cải tạo giáo dục bị cáo, bị cáo N1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Hội đồng xét xử xét thấy không cần xử hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần xử hình phạt mức án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng đủ tính răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét mức hình phạt do đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cao Bằng đề nghị là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 234 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ*

01 năm đến 05 năm”, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không cần thiết áp dụng một trong các hình phạt bổ sung trên đối với các bị cáo.

[6] Việc xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Cần xử tịch thu hóa giá lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại OPPO và 01 điện thoại Redmi của các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn C do các bị cáo đã sử dụng để liên lạc, trao đổi khi thực hiện hành vi phạm tội.

- Đối với số vật chứng là 149 cá thể Vẹt, tình trạng đã chết, được bảo quản đông lạnh, ngày 21/02/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C ra Quyết định xử lý vật chứng số 172/QĐ-CSKT, ngày 19/3/2025 đã tiêu hủy toàn bộ số vật chứng trên.

- Tịch thu tiêu hủy 05 lồng gỗ, được chia thành các ngăn, có lưới kim loại bọc bên ngoài. Do không còn giá trị sử dụng.

- Truy thu đối với bị cáo Lưu Duy M số tiền 2.500.000đ; truy thu đối với bị cáo Đồng Ngọc Q số tiền 1.500.000đ do các bị cáo phạm tội mà có để sung công quỹ nhà nước.

[7] Về các vấn đề khác:

Trong vụ án này có người đàn ông Trung Quốc tên “Tỳ” và người tên “Ô” thuê T vận chuyển V, ngoài lời khai của T ra không có thêm thông tin, tài liệu khác, nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để mở rộng điều tra vụ án và thực hiện việc tương trợ tư pháp.

Đối với Nông Văn B, theo lời khai của bị cáo Đồng Ngọc Q thì B điều khiển xe ô tô của B đi trước để dẫn đường và thông báo cho Q khi gặp lực lượng chức năng. Tuy nhiên, B chỉ thừa nhận được dẫn đường, B không biết và chưa được nhìn thấy số hàng do Q vận chuyển là loại gì, do đó không có căn cứ để xem xét xử lý.

Đối với người đàn ông sử dụng số điện thoại 0355.259.369, qua xác minh chủ thuê bao của số điện thoại là Quảng Văn C1, sinh năm 1979, trú tại Bản P, xã P, huyện T, tỉnh Sơn La, C1 khẳng định không được sử dụng và cũng không biết về số điện này, do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét xử lý.

Đối với người đàn ông giao 05 lồng chim cho Lưu Duy M tại thành phố Hà Nội, do M không nhớ số điện thoại đã liên hệ nên không có căn cứ xác minh, truy tìm, do vậy không có căn cứ để xử lý cùng vụ án.

[8] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn C, Hoàng Văn T1, Lương Văn T3, Hoàng Thị N1 là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội

đặc biệt khó khăn được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Đồng Ngọc Q, Lưu Duy M phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn C, Hoàng Văn T1, Đồng Ngọc Q, Lưu Duy M, Lương Văn T3, Hoàng Thị N1 phạm tội “*Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 234; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T** 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/11/2024.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 234; Điều 38; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Văn C** 07 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/12/2024.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 234; Điều 38; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T1** 07 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 19/12/2024.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 234; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đồng Ngọc Q** 07 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 18/12/2024.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 234; Điều 38; Điều 56; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lưu Duy M** 08 năm tù. Tổng hợp với Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2025/HS-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, buộc bị cáo M phải chấp hành cả 2 bản án là 11 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 25/12/2024.

Áp dụng điểm e, g khoản 2 Điều 234; điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lương Văn T3** 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được trừ đi thời gian bị cáo bị bắt tạm giam, từ ngày 19/12/2024 đến ngày 06/5/2025.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 234; điều 65, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Thị N1** 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 08/8/2025.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực

hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu phát mại lấy tiền nộp Ngân sách Nhà nước đối với:

+ 01 chiếc điện thoại của bị cáo Hoàng Văn T được đựng trong phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 Điện thoại nhãn hiệu OPPO màu xám của Hoàng Văn T; SN: 1988; HTKK: Xóm Đ có, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng”. Mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai của Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh C.

+ 01 chiếc điện thoại của bị cáo Hoàng Văn C được đựng trong phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 Điện thoại Redmi màu xanh của Hoàng Văn C; SN: 2000; HKTT: Xóm Đ có, Xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng”. Mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai của Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh C.

- Tịch thu tiêu hủy 05 lồng gỗ, được chia thành các ngăn, có lưới kim loại bọc bên ngoài.

Xác nhận toàn bộ vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 112 ngày 15 tháng 7 năm 2025.

- Truy thu đối với bị cáo Lưu Duy M số tiền 2.500.000 đồng; truy thu đối với bị cáo Đồng Ngọc Q số tiền 1.500.000 đồng do các bị cáo phạm tội mà có để sung công quỹ nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đồng Ngọc Q, Lưu Duy M phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn C, Hoàng Văn T1, Lương Văn T3, Hoàng Thị N1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ công an tỉnh;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Cao Bằng;
- THADS tỉnh Cao Bằng;
- Phòng GD, TT, KT&THA;
- Trại tạm giam CA tỉnh CB;
- Các bị cáo;
- Lưu HCTP, Tòa HS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Như